TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H4 phúc**

Bản án số: 09/2018/HS-ST
Ngày 06/02/2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Chân

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Huỳnh Văn H2 – Trường phòng Dân tộc thành phố Châu Đốc.

- Bà Trần Thị ánh H3 – Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường Châu Phú A.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Tâm .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2018/TLST-HS ngày 09 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2018/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Võ Nguyễn Việt H (X), sinh ngày 22 tháng 3 năm 1998. tại Châu Đốc, An Giang. Nơi cư trú: tổ 01, khóm T, phường G, thành phố D, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hoá (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Việt H1 và bà Nguyễn Thị M; chưa có vợ và con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: từ nhỏ sống chung cha mẹ. Học hết lớp 8 thì nghỉ, sống bằng nghề làm thuê; bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- *Người đại diện cho bị hại*: Bà Bùi Thị H2, sinh năm 1968, nơi cư trú: tổ 3, khóm H, phường N, TP. D, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

1. Em Thái Công Kh, sinh ngày 08/9/2001, nơi cư trú: tổ 01, khóm T, phường G, TP D, tỉnh An Giang, (có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1982, nơi cư trú: tổ 01, khóm T, phường G, thành phố D, tỉnh An Giang, (có mặt).

3. Ông Thái Công Kh1, sinh năm 1979, nơi cư trú: tổ 01, khóm T, phường G, thành phố D, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

4. Bà Thái Thị B, sinh năm 1970, nơi cư trú: tổ 01, khóm T, phường G, thành phố D, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

5. Bà Vũ Thị Thu H3, sinh năm 1972, nơi cư trú: tổ 01, khóm T, phường G, thành phố D, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

6. Bà Nguyễn Thị H4, sinh năm 1993, nơi cư trú: tổ 07, khóm T, phường N, thành phố D, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

7. Bà Trương Thị H5, sinh năm 1970, nơi cư trú: tổ 06, khóm T, phường N, thành phố D, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

8. Ông Bùi Văn Đ, sinh năm 1975, nơi cư trú: tổ 01, khóm H, phường N, thành phố D, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

9. Ông Bùi Thanh Tr, sinh năm 1990, nơi cư trú: tổ 06, khóm T, phường N, thành phố D, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

10. Ông Bùi Thanh T, sinh năm 1987, nơi cư trú: tổ 06, khóm T, phường N, thành phố D, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

11. Ông Bùi Quốc Th, sinh năm 1992, nơi cư trú: tổ 03, ấp Hòa Tây A, xã Phú Thuận, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án Đ tóm tắt như sau:

Khoảng 02 giờ ngày 19/3/2017, H và Kh đi ngang nhà ông Võ Văn H2 tại tổ 01, khóm Châu Thới 2, phường Châu Phú B (nhà ở gần nhau). Khi này, H thấy ông H2 chuẩn bị đi chợ bán hàng, trong nhà không có người trông giữ nên nảy sinh ý định trộm và rủ Kh cùng thực hiện, Kh đồng ý. Đợi sau khi ông H2 đi khỏi nhà, H và Kh mở cửa hàng rào đi vào trước cửa nhà và tìm thấy chìa khóa nhà của ông H2 giấu trên bàn thờ ông Thiên. H và Kh mở cửa nhà, đi vào bên trong tìm tài sản. Kh tìm trong tủ nhựa, thấy có một túi xách (để trong bọc nylon phía trên Đ đậy bằng cái nón tay bèo), bên trong túi có nhiều xấp tiền Việt Nam đồng. Kh, H lấy tiền cất giấu trong người, sau đó đếm Đ 99.000.000 đồng. Riêng, túi xách, bọc nylon, nón tai bèo, khăn vải, Kh ném bỏ ở bãi đất trống phía thuộc khu tổ 6, khóm 7, phường Châu Phú A.

Sau khi lấy trộm, Kh đưa cho H nhiều lần bằng 10.000.000 đồng để H tiêu xài cho cá nhân, cho ông Kh1 và bà H3 (cha, mẹ của Kh) số tiền 5.000.000 đồng, trả

cho bà Nguyễn Thị H4 1.500.000 đồng, bà Trương Thị H5 200.000 đồng, bà Vũ Thị Thu H3 1.200.000 đồng, gửi bà Thái Thị B 25.000.000 đồng, chuộc chiếc xe biển số 67AM-012.74 do ông Kh1 mượn của Bùi Quốc Th số tiền 4.375.000 đồng, số còn lại Kh và H sang gò Tà Mâu-CamPuChia đánh bạc, trả nợ và tiêu xài cho cá nhân. Kh mang xe trên đến cầm cho ông Đ và đã lấy lại số tiền gửi bà B rồi tiêu xài hết.

Riêng ông H2 sau khi phát hiện mất trộm, đến công an phường Châu Phú B trình báo. Hiện, gia đình của Kh và H đã trả cho gia đình ông H2 45.500.000 đồng.

Vật chứng thu giữ:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu HALIM-KREA, biển số 67AM-012.74, màu sơn đen-bạc; 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô số 026006 mang tên Trần Ngọc Đại; 01 chứng minh nhân dân mang tên Bùi Thanh Tr; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Thái Công Kh1 do ông Bùi Thành Đ giao nộp;

- 01 túi xách màu xám có dây đeo màu trắng, ngang 30cm, cao 20cm; 01 nón tai bèo rằn ri (loại nón bộ đội); 01 cái khăn sọc ca rô đỏ, trắng, đen, ngang 80cm, rộng 30cm.

Ngày 20/9/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố Châu Đốc ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, ra quyết định khởi tố các bị can Võ Nguyễn Việt H (X) và lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú.

Ngày 27/9/2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc ban hành các Quyết định số 83/QĐ-VKS-HS phê chuẩn quyết định khởi tố bị can Võ Nguyễn Việt H (X).

Tại Cơ quan Điều tra, các bị cáo H khai nhận có cùng Thái Công Kh thực hiện hành vi lén lúc đột nhập vào nhà ông H2 lấy trộm số tiền 99.000.000 đồng và sử dụng số tiền như nội dung vụ án nêu trên.

Người bị hại ông H2 và bà Hân khai phù hợp với nội dung vụ án nêu trên. Ngoài ra ông H2 còn cho biết số tiền ông bị mất trộm là 100.000.000 đồng. Hiện ông H2 đã chết, bà Hân (vợ ông H2) đã nhận lại số tiền bồi hoàn từ người thân của H và Kh là 45.500.000đồng, yêu cầu xử lý hình sự đối với Kh, H và bồi thường thêm 54.500.000 đồng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Kh khai nhận hành vi cùng với H lấy trộm tài sản tại nhà ông H2 và tiêu xài số tiền trên phù hợp với nội dung vụ án đã nêu. Kh trình bày thêm: Kh còn dùng số tiền lấy trộm để mua 01 điện thoại hiệu Samsung J7 6.000.000 đồng, mua 01 dây chuyền vàng giá 13.769.800 đồng, nH sau khi đánh bài thua đã cầm điện thoại và dây chuyền tại gò Tà Mâu-Campuchia lấy tiền đánh bạc. Ngoài ra, Kh còn sử dụng số tiền trộm Đ để cùng với H, Nh, Tr, Tuấn uống rượu và tiêu xài cho cá nhân hết.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Các ông, bà Kh1, H3 (cha, mẹ của Kh), H4, H5, H3, Th, Nh, B đều trình bày phù hợp nội dung vụ án. Khi nhận tiền, các ông, bà không biết do Kh lấy trộm mà có và đã tiêu xài cá nhân hết; Nh đã trả lại cho Kh 6.500.000 đồng; Ngoài số tiền Kh gửi, bà B còn nhận 150.000 đồng do Kh trả nợ cho bà B. Ngoài ra, ông Kh1, bà H3 đã trả số tiền nhận Đ từ Kh đưa và khắc phục hậu quả cho bà Hân số tiền 36.000.000 đồng và đồng ý bồi thường số tiền còn lại.

Bà Mai (mẹ của H) trình bày không biết sự việc H trộm cắp tài sản. Hiện bà đã bồi thường cho người bị hại số tiền 9.500.000 đồng.

Ông Tr, Tuấn trình bày phù hợp với lời khai của Kh.

Ông Đ trình bày: Khoảng 16 giờ ngày 20/3/2017, Kh đến tiệm cầm đồ Út Tỷ của ông Đ để chuộc xe mô tô biển số 67AM-012.74 do ông Kh1 cầm trước đó với số tiền 4.375.000 đồng. Sau đó, Kh mang xe mô tô trên cùng với ông Tr đến tiệm cầm đồ của ông cầm lại 4.000.0000 đồng. Ông không biết nguồn gốc tiền Kh chuộc xe do trộm cắp mà có. Hiện ông giao nộp xe mô tô trên cho Công an, ông yêu cầu Kh bồi thường lại cho ông số tiền 4.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 14/VKS-HS.TA ngày 08 tháng 01 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc đã truy tố bị cáo Võ Nguyễn Việt H về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự đã Đ sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa,

- Bị cáo khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội cùng với Kh như nội dung Cáo trạng truy tố. Bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

- Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" Đ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát vẫn giữ quan điểm truy tố bị cáo như Cáo trạng.

Hành vi phạm tội của bị cáo Đ thực hiện với lỗi cố ý, thể hiện sự xem thường pháp luật, không những câm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác, mà còn gây mất trật tự trị an ở địa phương, gây tâm lý lo sợ bị mất tài sản trong nhân dân. Do đó, cần phải có mức hình tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

Đối với bị cáo H, khi phát hiện nhà ông H2 không có người trông giữ đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản và đã rủ Kh cùng thực hiện hành vi phạm tôi khi Kh chưa đủ 18 tuổi, do đó H phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 BLHS.

Bên cạnh đó, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, bị cáo tích cực tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho người bị

hại, nên đề nghị xem xét giảm nhẹ cho bị cáo theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS khi lượng hình.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 38; khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã Đ sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, xử phạt bị cáo từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản".

Về hình phạt bổ sung, do bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên đề nghị không áp dụng đối với bị cáo.

Xử lý vật chứng: đề nghị áp dụng các Điều 46, 47 BLHS năm 2015 đã Đ sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 BLTTHS năm 2015.

- Trả lại 01 xe máy, biển số 67AM-012.74 cùng chứng nhận đăng ký xe cho ông Bùi Quốc Th; 01 giấy chứng minh nhân dân tên Bùi Thanh Tr và 01 giấy chứng minh nhân dân tên Thái Công Kh1;

- Tịch thu tiêu hủy 01 túi xách màu xám có dây đeo màu trắng, ngang 30cm, cao 20cm; 01 nón tai bèo rằn ri (loại nón bộ đội); 01 cái khăn sọc ca rô đỏ, trắng, đen, ngang 80cm, rộng 30cm.

Về trách nhiệm dân sự: đề nghị áp dụng các Điều 46, 48 BLHS đã Đ sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 BLTTHS năm 2015; Điều 584, 585, 586, 587, 589 BLDS năm 2015 buộc bị cáo Võ Nguyễn Việt H và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan em Thái Công Kh cùng (cha ông Kh1, bà H3) có trách nhiệm liên đới bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại 53.500.000 đồng. Riêng Kh cùng (ông Kh1, bà H3) còn có trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông Đ 4.000.000 đồng.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã Đ thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Về tố tụng:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã Đ Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập và có lời khai trong giai đoạn điều tra nên sự vắng mặt tại phiên tòa không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ quy định tại Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng.

Về nội dung,

Đối cH2 lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp nhau về diễn biến, thời gian và hành vi bị cáo đã thực hiện. Cụ thể,

Số tiền 100.000.000 đồng, số tiền này do ông H2 dành dụm cất giữ để trong nhà và bị mất trộm.

Sau khi hành vi của H (X) và Kh bị phát hiện, gia đình của Kh đã bồi thường lại cho bà Hân số tiền 36.000.000 đồng, gia đình của X bồi thường Đ 9.500.000 đồng. Bà Hân có yêu cầu xử lý hình sự các đối tượng đã trộm cắp và buộc gia đình các đối tượng phải bồi thường số tiền còn lại là 53.500.000 đồng.

Các ông, bà Kh1, H3 (cha, mẹ của Kh), H4, H5, H3, Th, Nh, B, Tr và Tuấn đều trình bày phù hợp nội dung vụ án. Khi nhận tiền, các ông, bà không biết do Kh lấy trộm mà có và đã tiêu xài cá nhân hết; Nh đã trả lại cho Kh 6.500.000 đồng; Ngoài số tiền Kh gửi, bà B còn nhận 150.000 đồng do Kh trả nợ cho bà B.

Ông Kh1, bà H3 đã trả số tiền nhận Đ từ Kh đưa và khắc phục hậu quả cho bà Hân số tiền 36.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị M (mẹ của H) trình bày không biết sự việc H trộm cắp tài sản. Hiện bà đã bồi thường cho người bị hại số tiền 9.500.000 đồng và đều đồng ý bồi thường số tiền còn lại cho người bị hại do bà Hân làm đại diện.

Ngoài ra, lời khai của bị cáo còn phù hợp với vật chứng bị thu giữ. Từ đó, có căn cứ xác định bị cáo cùng với Kh đã lợi dụng sơ hở của ông H2 trong quản lý tài sản, lén lút chiếm đoạt số tiền 99.000.000 đồng.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nH vẫn cố ý thực hiện, xâm phạm trực tiếp đến quan hệ sở hữu tài sản Đ pháp luật hình sự bảo vệ. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, đã Đ sửa đổi, bổ sung năm 2009 như nội dung cáo trạng truy tố.

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên toà hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, tài sản chiếm đoạt đã người thân của bị cáo và Kh khắc phục một phần hậu quả nên có xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, không có nghề nghiệp ổn định, xét không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Đối với Kh, do chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên không khởi tố và truy tố là phù hợp pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự, người bị hại yêu cầu bị cáo và ông Kh1, bà H3 (là cha, mẹ của Kh) phải có trách nhiệm bồi thường số tiền còn lại là 53.500.000 đồng, yêu cầu này của người bị hại phù hợp pháp luật, xét chấp nhận.

Về xử lý vật chứng :

- 01 xe mô tô nhãn hiệu HALIM-KREA, biển số 67AM-012.74, màu sơn đen-bạc; 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô số 026006 mang tên Trần Ngọc Đại do ông Bùi Quốc Th mua lại và cho ông Kh1 (cha vợ) mượn sử dụng, do ông Bùi Thành Đ giao nộp, xét thấy chiếc xe mô tô không liên quan đến vụ án nên hoàn trả lại cho ông Th.

- 01 giấy chứng minh nhân dân tên Bùi Thanh Tr và 01 giấy chứng minh nhân dân tên Thái Công Kh1, đây là giấy tùy thân của các ông, xét giao trả lại cho ông Tr và ông Kh1

- Đối với các tài sản: 01 túi xách màu xám có dây đeo màu trắng, ngang 30cm, cao 20cm; 01 nón tai bèo rằn ri (loại nón bộ đội); 01 cái khăn sọc ca rô đỏ, trắng, đen, ngang 80cm, rộng 30cm của ông H2 (đã chết), bà Hân (vợ ông H2), không có yêu cầu nhận lại, nên tịch thu tiêu hủy.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 38; khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã Đ sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội ;

Tuyên bố bị cáo Võ Nguyễn Việt H (X) phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Xử phạt: Bị cáo Võ Nguyễn Việt H (X): 02 (hai) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt của bị cáo Đ tính kể từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Căn cứ vào Điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã Đ sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Buộc bị cáo H (X) và em Thái Công Kh cùng ông Thái Công Kh1, bà Nguyễn Thị H3 (là cha, mẹ của Kh) phải có trách nhiệm bồi thường số tiền là 53.500.000 đồng cho bà Bùi Thị H2.

Hoàn trả cho ông Bùi Quốc Th 01 xe mô tô nhãn hiệu HALIM-KREA, biển số 67AM-012.74, màu sơn đen-bạc; 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô số 026006 mang tên Trần Ngọc Đại.

Hoàn trả cho ông Bùi Thanh Tr 01 giấy chứng minh nhân dân và ông Thái Công Kh1 01 giấy chứng minh nhân dân.

Tịch thu tiêu hủy: 01 túi xách màu xám có dây đeo màu trắng, ngang 30cm, cao 20cm; 01 nón tai bèo rằn ri (loại nón bộ đội); 01 cái khăn sọc ca rô đỏ, trắng, đen, ngang 80cm, rộng 30cm.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 28 tháng 12 năm 2017 giữa Cơ quan Điều tra - Công an thành phố Châu Đốc với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc).

Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, 333, 337 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Võ Nguyễn Việt H (X) phải chịu *200.000 (hai trăm nghìn) đồng* án phí hình sự sơ thẩm và 816.000 (tám trăm mười sáu nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Thái Công Kh1, bà Nguyễn Thị H3 (là cha, mẹ của Kh) phải chịu 816.000 (tám trăm mười sáu nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo, người bị hại, các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (người đại diện hợp pháp) có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của người bị hại vắng mặt tại phiên tòa Đ tính là 15 ngày kể từ ngày bản án Đ giao hoặc Đ niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định Đ thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người Đ thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án Đ thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện KSND thành phố (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Nhà Tạm giữ (2);
- Chi cục THADS thành phố (1);s
- Bộ phận THA Tòa án (1);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (1);
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ; - Phòng hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Quang Chân